

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN  
NĂM HỌC 2018 – 2019**

**Tên học phần:** Dược lý 1 (Lý thuyết - Thực hành)

**Mã học phần:** 000456

**1. Thông tin về học phần**

**Số tín chỉ:** 3

Lý thuyết: 2 chỉ

Thực hành: 1 chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

**Phân bổ thời gian:** Học kỳ 6

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	30 + 30 + 60 = 120
T = Bài tập					
P = Thực hành	30	0	30	0	
O = Thảo luận/seminar					

**Loại học phần:** Bắt buộc

**Học phần tiên quyết:** Hóa dược, Hóa sinh, Sinh lý bệnh miễn dịch, Bệnh học

**Học phần học song hành:**

**Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt

**2. Đơn vị phụ trách:** Dược lý - Dược lâm sàng

**3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):**

**\* Về kiến thức**

MT1. Hiểu và vận dụng các kiến thức liên quan để hiểu cũng như giải thích được cơ chế phát huy tác dụng điều trị và gây ra tác dụng có hại của thuốc.

MT2. Phân tích và đánh giá được Chỉ định - Chống chỉ định - Thận trọng - Các hình thức tương tác và phối hợp thuốc trong điều trị.

MT3. Đánh giá và đề xuất cũng như linh hoạt được các cách thức xử lý - Phòng tránh các biến cố có thể xảy ra trong quá trình điều trị.

**\* Về kỹ năng**

MT4. Xác định và đánh giá/dự đoán được hiệu quả những hoạt chất có thể được sử dụng để điều trị được một tình trạng bệnh lý tương ứng.

MT5. Linh hoạt trong lựa chọn và phân tích vai trò của hoạt chất điều trị ở mọi tình huống/điều kiện lâm sàng.

MT6. Chủ động đề phòng và đề xuất các phương pháp để phát hiện biến cố có thể xảy ra trong quá trình điều trị dựa trên những cơ chế phát huy tác dụng điều trị cũng như cơ chế gây hại có thể xảy ra.

MT7. Nắm vững nguyên tắc sử dụng thuốc cũng như cập nhật kiến thức nhằm tìm ra nhiều cách nhằm nâng cao khả năng tư vấn thuyết phục người dùng tuân thủ điều trị.

**\* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT8. Đảm bảo và phát huy được vai trò và nhiệm vụ của người dược sĩ trong việc sử dụng thuốc nhằm mục đích tối ưu hóa hiệu quả điều trị theo y lệnh của bác sĩ và giảm thiểu các biến cố cũng như sai sót trong quá trình sử dụng thuốc.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
000456	Dược lý 1	1	2	2	1	1	3	1
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		1	3	3	1	1	3	0
		PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	PO20	PO21
		1	1	2	2	2	3	3

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)**

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
<b>Kiến thức</b>			
MT1	CO1	Hiểu và vận dụng các kiến thức liên quan để hiểu cũng như giải thích được cơ chế phát huy tác dụng điều trị và gây ra tác dụng có hại của thuốc	PO2, PO3, PO4
MT2	CO2	Phân tích và đánh giá được Chỉ định - Chống chỉ định - Thận trọng - Các hình thức tương tác và phối hợp thuốc trong điều trị	PO4, PO6
MT3	CO3	Đánh giá và đề xuất cũng như linh hoạt được các cách thức xử lý - Phòng tránh các biến cố có thể xảy ra trong quá trình điều trị	PO2, PO4, PO6
<b>Kỹ năng</b>			

MT4	CO4	Xác định và đánh giá/dự đoán được hiệu quả những hoạt chất có thể được sử dụng để điều trị được một tình trạng bệnh lý tương ứng	PO9, PO10, PO13
MT5	CO5	Linh hoạt trong lựa chọn và phân tích vai trò của hoạt chất điều trị ở mọi tình huống/điều kiện lâm sàng	PO8, PO9, PO10, PO13
MT6	CO6	Chủ động đề phòng và đề xuất các phương pháp để phát hiện biến cố có thể xảy ra trong quá trình điều trị dựa trên những cơ chế phát huy tác dụng điều trị cũng như cơ chế gây hại có thể xảy ra	PO10, PO13
MT7	CO7	Nắm vững nguyên tắc sử dụng thuốc cũng như cập nhật kiến thức nhằm tìm ra nhiều cách nhằm nâng cao khả năng tư vấn thuyết phục người dùng tuân thủ điều trị	PO10, PO13, PO15
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>			
MT8	CO8	Đảm bảo và phát huy được vai trò và nhiệm vụ của người dược sĩ trong việc sử dụng thuốc nhằm mục đích tối ưu hóa hiệu quả điều trị theo y lệnh của bác sĩ và giảm thiểu các biến cố cũng như sai sót trong quá trình sử dụng thuốc.	PO17, PO18, PO19, PO20

## 6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần dược lý 1 sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về cơ chế gây ra tác dụng dược lý của một số nhóm hoạt chất tác dụng trên Hệ thần kinh và các nhóm thuốc tác động đến hệ nội tiết. Đây cũng là học phần nền tảng cho các học phần tiếp theo (Dược động học; Dược lâm sàng 1,2,3; Chăm sóc dược) nhằm góp phần hoàn thiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, tối ưu hóa hiệu quả điều trị và giảm thiểu sự xuất hiện các biến cố cũng như sai sót trong quá trình điều trị.

## 7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết giảng	Truyền tải những kiến thức chính, trọng tâm của từng bài học. Đảm bảo bám sát theo các mục tiêu chuẩn đầu ra của từng bài.	CO1, CO2, CO3
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học. Bên cạnh đó tạo điều kiện cho sinh viên tìm hiểu kiến thức mới bằng	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

	các bài tiểu luận được giao ngẫu nhiên.	
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo nhằm mục đích đạt được mức tư duy bậc cao cho sinh viên.	CO7, CO8

### 8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, nghe giảng.
- Tuân thủ giờ giấc và quy định nội qui cho sinh viên trong giờ giảng.
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, trả lời các câu hỏi của giảng viên tại lớp.
- Phản hồi ý kiến sau mỗi buổi học để giảng viên khắc phục về sau
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo do giảng viên hướng dẫn giới thiệu. Hoàn thành các bài báo cáo theo đúng yêu cầu của giảng viên đứng lớp.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

### 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

#### 9.1. Lý thuyết

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Thang điểm
1	Chuyên cần	10	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3	10
		10	+ Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	CO4, CO5, CO6	10
2	Thường xuyên	30	<p>* Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân.</p> <p>- Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: sinh viên hiểu và vận dụng được những kiến thức từ đầu thời gian học đến thời điểm hiện tại để giải thích các tình huống do giảng viên đặt ra trong kiểm tra.</p> <p>- Một bài kiểm tra đánh giá bao gồm hai phần: câu hỏi trắc nghiệm khách quan và câu hỏi tình huống.</p> <p>* Một bài báo cáo nhóm hoặc seminar hoặc bài tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách</p>	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

			giảng dạy. - Tiêu chí đánh giá bài báo cáo: nhằm xem xét khả năng phân tích và ứng dụng của sinh viên. - Bài báo cáo tiểu luận sẽ được phân chia ngẫu nhiên. Mỗi sinh viên đều phải hoàn thành quyển tiểu luận và thỏa mãn yêu cầu giảng viên đặt ra để đủ điều kiện dự thi đánh giá kết thúc học phần.		
3	<b>Thi kết thúc HP</b>	50	+ Thi kết thúc học phần + Hình thức thi trắc nghiệm khách quan. + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

## 9.2. Thực hành

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Điểm trung bình các buổi học trên lớp	100	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1,CO2, CO3,CO4, CO5,CO6, CO7	10

## 10. Học liệu

### 10.1. Tài liệu học tập

[1] Bài giảng Dược lý 1 – Bài giảng nội bộ, Bộ môn Dược lý - Dược lâm sàng, Khoa Dược, Trường ĐH Nam Cần Thơ năm 2018.

[2]. Bài giảng Dược lý 1 – Thực hành, Bài giảng nội bộ, Bộ môn Dược lý – Dược lâm sàng, Khoa Dược, Trường ĐH Nam Cần Thơ năm 2018.

### 10.2. Tài liệu tham khảo

[3]. Bộ Y tế (2018), Dược thư Quốc gia Việt Nam, Hà Nội.

Ngoài ra, sinh viên có thể tìm hiểu thêm các tài liệu sau đây để bổ sung kiến thức.

[4]. Đào Văn Phan (2012), Dược lý học lâm sàng, NXB Y học, Hà Nội.

[5]. Trần Thị Thu Hằng (2013), Dược lực học, NXB Phương Đông, Đà Nẵng.

[6]. Hoàng Thị Kim Huyền (2014), Những nguyên lý cơ bản và sử dụng thuốc trong điều trị, Tập 1 và 2, Trường ĐH Dược Hà Nội - ĐH Groningen, Hà Lan, NXB Y học, Hà Nội.

[7]. Hoàng Thị Kim Huyền (2015), Hóa dược - Dược lý, NXB Y học, Hà Nội.

[8]. Dược động học Đại cương (2015), Mai Hoàng Mai, NXB Y học, Hà Nội.

## 11. Nội dung chi tiết học phần

### 11.1. Lý thuyết

Nội dung	Tiết	Tài liệu	CDR của HP
<p><b>Chương 1.</b>  <b>Bài 1. Dược lý học đại cương</b>                      1. Lịch sử phát triển ngành Dược lý học                      2. Các chuyên ngành liên quan đến dược lý</p>	1	[1][3][4][5] [6][7][8]	CO1
<p><b>Chương 2.</b>  <b>Bài 2. Đại cương dược động học (PK)</b>                      1. Định nghĩa PK                      2. Các khái niệm về dược động học                      3. Yếu tố ảnh hưởng đến các thông số PK                      4. Biện luận đánh giá một quần thể bệnh nhân có thay đổi PK ảnh hưởng đến hiệu quả điều trị  <b>Bài 3. Đại cương dược lực học (PD)</b>                      1. Định nghĩa PD                      2. Mối tương quan giữa PK - PD                      3. Các cơ chế tác dụng của hoạt chất đối với cơ thể                      4. Các trạng thái tác dụng của thuốc đối với cơ thể                      5. Tương tác thuốc                      6. Phản ứng có hại của thuốc (ADR)</p>	5	[1][3][4][5] [6][7][8]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
<p><b>Chương 3.</b>  <b>Bài 4. Đại cương thuốc tác dụng trên hệ thần kinh thực vật (TKTV)</b>                      1. Khái quát hệ thần kinh và hệ thần kinh thực vật                      2. Vai trò hệ thần kinh thực vật                      3. Các loại receptor và cơ chế phát huy tác dụng của thuốc trên hệ TKTV  <b>Bài 5. Thuốc tác dụng trên hệ cholinergic</b>                      1. Thuốc chủ vận hệ cholinergic                      1.1. Phân loại                      1.2. Tác dụng dược lí                      1.3. Ứng dụng điều trị                      1.4. Xử lý và phòng tránh ADR do thuốc gây ra                      2. Thuốc đối vận hệ cholinergic                      2.1. Phân loại                      2.2. Tác dụng dược lí                      2.3. Ứng dụng điều trị                      2.4. Xử lý và phòng tránh ADR do thuốc gây ra  <b>Bài 6. Thuốc tác dụng trên hệ adrenergic</b>                      1. Thuốc chủ vận hệ adrenergic                      1.1. Phân loại                      1.2. Tác dụng dược lí</p>	3	[1][3][4][5] [6][7][8]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

<p>1.3. Ứng dụng điều trị</p> <p>1.4. Xử lý và phòng tránh ADR do thuốc gây ra</p> <p>2. <i>Thuốc đối vận hệ adrenergic</i></p> <p>2.1. Phân loại</p> <p>2.2. Tác dụng dược lí</p> <p>2.3. Ứng dụng điều trị</p> <p>2.4. Xử lý và phòng tránh ADR do thuốc gây ra</p>			
<p><b>Chương 4.</b></p> <p><b>Bài 7. Đại cương thuốc tác dụng trên thần kinh trung ương</b></p> <p>1. Phân loại và khái niệm</p> <p>2. Cơ chế tác dụng</p> <p><b>Bài 8. Thuốc gây mê, gây tê, an thần gây ngủ</b></p> <p>1. Phân loại</p> <p>2. Cơ chế tác dụng dược lí</p> <p>3. Ứng dụng điều trị</p> <p>4. Xử lý và phòng tránh ADR do thuốc gây ra</p> <p><b>Bài 9. Thuốc giảm đau trung ương</b></p> <p>1. Phân loại và đại cương về đau</p> <p>2. Cơ chế tác dụng lí của morphin</p> <p>3. Ứng dụng điều trị của các thuốc giảm đau narcotic</p> <p>4. Xử lý và phòng tránh ADR do thuốc gây ra</p>	4	[1][3][4][5] [6][7][8]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
<p><b>Chương 5.</b></p> <p><b>Bài 10. Thuốc giảm đau, hạ sốt kháng viêm</b></p> <p>1. Cơ chế tác dụng dược lí của thuốc NSAIDs đối với cơ thể</p> <p>2. Phân loại cấu trúc</p> <p>3. Ứng dụng điều trị</p> <p>4. Xử lý và phòng tránh ADR do thuốc gây ra</p> <p><b>Bài 11. Thuốc điều trị gout</b></p> <p>1. Cơ chế bệnh sinh bệnh lý gout</p> <p>2. Phân loại các thuốc điều trị</p> <p>3. Cơ chế tác dụng</p> <p>4. Xử lý và tránh các ADR do thuốc gây ra</p>	5	[1][3][4][5] [6][7][8]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
<p><b>Chương 6.</b></p> <p><b>Bài 12. Đại cương hormon</b></p> <p>1. Khái quát hệ thống nội tiết và cơ chế hoạt động</p> <p>2. Vai trò của các loại hormon trong cơ thể</p> <p>3. Đại cương ứng dụng hormon trong điều trị</p> <p><b>Bài 13. Hormon tuyến giáp và thuốc điều trị rối loạn chức năng tuyến giáp</b></p> <p>1. Khái quát về sinh lý giải phẫu tuyến giáp</p> <p>2. Các tình trạng rối loạn chức năng tuyến giáp</p>	3	[1][3][4][5] [6][7][8]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

<p>3. <i>Thuốc điều trị suy giáp</i></p> <p>3.1. Phân loại</p> <p>3.2. Cơ chế tác dụng dược lí</p> <p>3.3. Xử lí và phòng tránh ADR thuốc gây ra</p> <p>4. <i>Thuốc điều trị cường giáp</i></p> <p>4.1. Phân loại</p> <p>4.2. Cơ chế tác dụng dược lí</p> <p>4.3. Xử lí và phòng tránh ADR do thuốc gây ra</p>			
<p><b>Chương 7.</b></p> <p><b>Bài 14. Hormon tuyến tụy và thuốc điều trị đái tháo đường (6)</b></p> <p>1. Khái quát giải phẫu và sinh lý tuyến tụy</p> <p>2. Vai trò của insulin trong cơ thể</p> <p>3. Khái quát bệnh lí đái tháo đường</p> <p>4. Insulin và các thuốc điều trị đái tháo đường</p> <p>4.1. Cơ chế tác dụng dược lí</p> <p>4.2. Ứng dụng trong điều trị</p> <p>4.3. Xử lí và phòng tránh ADR do thuốc gây ra</p> <p>4.4. Cảnh giác trong điều trị và đảm bảo hiệu quả điều trị trong quá trình sử dụng thuốc</p>	6	[1][3][4][5] [6][7][8]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
<p><b>Chương 8.</b></p> <p><b>Bài 15. Hormon tuyến thượng thận và dẫn xuất tổng hợp (2)</b></p> <p>1. Khái quát giải phẫu sinh lí tuyến thượng thận</p> <p>2. Vai trò của hormon vỏ thượng thận</p> <p>3. Cơ chế tác dụng dược lí của corticoid</p> <p>4. Ứng dụng lâm sàng điều trị của corticoid</p> <p>5. Xử lí và hạn chế phản ứng có hại của thuốc gây ra</p> <p><b>Bài 16. Hormon sinh dục và dẫn xuất tổng hợp</b></p> <p>1. Khái quát giải phẫu và sinh lí tuyến sinh dục</p> <p>2. Phân loại các hormon sinh dục</p> <p>3. Cơ chế tác dụng dược lí của hormon</p> <p>4. Ứng dụng trong lâm sàng điều trị</p> <p>5. Cách sử dụng thuốc ngừa thai</p>	3	[1][3][4][5] [6][7][8]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
<b>Tổng số tiết</b>	<b>30</b>		

### 11.2. Thực hành

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1	Các thủ thuật cơ bản trên chuột	[1][2]	CO4, CO5
2	Thử tác dụng gây mê, lợi tiểu và kích ứng da trên chuột	[1][2]	CO4, CO5
3	Nhận dạng các thuốc giảm đau - hạ sốt - kháng viêm	[1][2]	CO1, CO2, CO3



<b>4</b>	Nhận dạng các thuốc điều trị Gout	[1][2]	CO1, CO2, CO3
<b>5</b>	Nhận dạng các thuốc điều trị đái tháo đường	[1][2]	CO1, CO2, CO3
<b>6</b>	Nhận dạng các thuốc hormon (Tuyến giáp - Thượng thận - Sinh dục)	[1][2]	CO1, CO2, CO3

## **12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**

- Phòng học có bảng lớn, phấn, micrô, máy chiếu và loa.
- Phòng thực hành thí nghiệm có đầy đủ các thiết bị, máy móc phục vụ cho bài thực hành.

**TRƯỞNG KHOA**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Đã ký**

**Đã ký**

**HIỆU TRƯỞNG**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Đã ký**